

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS-ST

Ngày: 22/3/2021

Về việc “*Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương.
2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn E, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Võ Văn E trình bày:

Ngày 16/3/2020 (âm lịch), ông cho ông H vay số tiền 100.000.000 đồng để bổ sung vốn mua bán, thỏa thuận không lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng. Giao dịch có làm giấy mượn tiền do ông H viết và ký tên nhận nợ; có ông Võ Hồng M cùng ngụ ấp N, xã L ký tên là người làm chứng. Nội dung giấy mượn tiền ông H viết có đoạn “... có mượn của chị 7 Xum E số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng)...”; chị 7 Xum E là bà Nguyễn Thị M tức là vợ ông vì ở địa phương ông có tên gọi là 7 Xum E.

Đến hạn ông H không trả nợ. Ông đã đòi nhiều lần nhưng ông H chỉ hứa hẹn kéo dài.

Ông yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng và lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 16/4/2020 (âm lịch) cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa ông E rút lại yêu cầu ông H trả lãi. Ông E chỉ yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M xin vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại tờ tự khai và đơn không yêu cầu giải quyết cùng ngày 05/01/2021 bà M trình bày:

Bà là vợ của ông Võ Văn E. Số tiền 100.000.000 đồng ông E cho ông H vay là tài sản chung của vợ chồng giữa bà và ông E. Ông E đại diện đứng đơn khởi kiện thì bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông E. Bà không có tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Ông H đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và tài liệu, chứng cứ do ông E giao nộp nhưng ông H không tham gia tố tụng, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông E. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông E.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông H có nơi cư trú tại ấp N, xã L, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H, bà M.

[3] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông E cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền có chữ ký nhận nợ của ông Nguyễn Hoàng H và chữ ký của người làm chứng ông Võ Hồng M (BL: 38). Nội dung giấy mượn tiền này thể hiện vào ngày 16/3/2020 (âm lịch), ông H có vay số tiền 100.000.000 đồng của chị 7 Xum E, tức là vợ ông E tên thật là Nguyễn Thị M. Bà M khai rằng số tiền này là tài sản chung của vợ chồng giữa bà và ông E. Ông E đại diện đứng đơn khởi kiện thì bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông E.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ của ông E giao nộp cho ông H; nội dung thông báo về việc thụ lý vụ án có nêu rõ ông E yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả số tiền vay 100.000.000 đồng nhưng ông H không thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của ông E. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Bên cạnh đó, ông Võ Hồng M là người làm chứng trong vụ án cũng khai rằng ông trực tiếp chứng kiến việc ông H vay tiền của ông E đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Như vậy, việc ông H có vay số tiền 100.000.000 đồng của ông E là có thật.

Ông H là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, tham gia giao dịch với ý chí tự nguyện nên hợp đồng vay tài sản giữa ông E và ông H là có hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...*”. Do vậy, ông E có quyền yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả lại số tiền đã cho vay để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông H có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của ông E là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Về tiền lãi: Tại phiên tòa, ông E không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Trong vụ án này, yêu cầu của ông E được chấp nhận toàn bộ nên ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn E.

Buộc ông Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn E số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

**2.** Về án phí:

Ông Nguyễn Hoàng H phải nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 2.645.000 đồng (hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017011 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

**3.** Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Võ Văn E được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông Nguyễn Hoàng H, bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Phú**